

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 09-3-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Bà Lê Thị Dệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 08/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: xóm xx, xã Đ, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh T (anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2022 và bản tự khai đề ngày 10/8/2022 cũng như trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2011 chị và anh Nguyễn Hữu T cùng làm ăn trong Nam nên có quen biết và tìm hiểu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và dẫn đến chị có thai. Đến tháng 10/2011 chị sinh cháu Nguyễn Trần Duy K nhưng mỗi người vẫn sống một nơi. Đến năm 2017, anh chị quay về sống chung với

n nhau nên cả hai đã về quê anh T tại xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá để đăng ký kết hôn và làm giấy khai sinh cho con. Sau khi làm xong thủ tục đăng ký kết hôn và khai sinh cho con thì chị và anh T lại tiếp tục quay vào Nam làm ăn sinh sống. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con. Ham chơi dẫn đến nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Trong cuộc sống anh Tuôn quản lý việc chi tiêu của vợ, vì nghĩ đến con nên chị đã cố gắng chịu đựng mong anh thay đổi, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Do không chịu được nữa nên tháng 8/2020 chị đưa con về quê ngoại ở xã Đ, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hữu T có 1 con chung là Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 03/10/2011. Nguyên vọng của chị M sau khi ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ chung:Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trần Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu T. Về con chung chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn là anh Nguyễn Hữu T:* Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Toà án để làm việc nhưng anh T không đến. Vì vậy, ngày 08/02/2023 Toà án phối hợp với chính quyền địa phương xác minh tại gia đình ông Nguyễn Hữu Q là bố đẻ anh Nguyễn Hữu T ở thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá.

Ông Nguyễn Hữu Q trình bày: Anh Nguyễn Hữu T là con trai ông có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá. Anh T đang đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, địa chỉ cụ thể ông không biết nhưng anh T thường xuyên liên lạc về với gia đình ông. Gia đình ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Toà án. Sau khi nhận văn bản của Toà án, gia đình ông đã trực tiếp thông báo cho anh T biết. Anh T có trao đổi với gia đình ông như sau:

- Về hôn nhân: Anh T và chị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống trong Nam anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2020 chị M đưa con về ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên vọng của anh T cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh.

- Về con chung: Anh T và chị M có với nhau 1 con chung là Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 03/10/2011 từ trước khi đăng ký kết hôn, hiện nay cháu đang ở với chị M. Khi ly hôn anh T đồng ý để chị M nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, anh Nguyễn Hữu T về địa phương và đến Toà án tự khai như sau:

- Về hôn nhân: Năm 2011 anh và chị M chung sống với nhau như vợ chồng và đã có với nhau 1 con chung tên là Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 03/10/2011, đến năm 2017 anh chị cùng nhau về quê xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá để đăng ký kết hôn và khai sinh cho con. Sau khi kết hôn giữa anh và chị M xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn thương yêu nhau. Năm 2020 chị M đưa con về quê ngoại làm ăn sinh sống, vợ chồng không liên lạc với nhau và sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đồng ý ly hôn với chị M.

- Về con chung: Anh và chị M có 1 con chung là Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 03/10/2011, hiện cháu đang ở với chị M. Kỵ ly hôn, anh T đồng ý để chị M nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự. Việc thực hiện các thủ tục tố tụng như ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T không có mặt, vì vậy không tiến hành được phiên Hòa giải giữa các bên đương sự, thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt anh T nhưng anh T đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hữu T. Về con chung

đề nghị giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, do chị M không yêu anh T cấp dưỡng nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản và nợ chung, chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét. Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị M khởi kiện xin được ly hôn anh Nguyễn Hữu T có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T không có mặt, vì vậy không tiến hành được phiên Hòa giải giữa các bên đương sự, thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Nguyễn Hữu T, tuy nhiên anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến không được hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng mỗi một nơi, không tìm cách giải quyết dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Đối với anh T đã biết Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, biết nội dung chị M yêu cầu nhưng trong thời gian dài, anh không giao nộp văn bản nêu ý kiến của mình cũng không đến để Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ, thể hiện anh cũng không quan tâm, tha thiết níu kéo tình cảm. Sau khi Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đến ngày ngày 23 tháng 02 năm 2023, anh Nguyễn Hữu T đến Tòa án trình bày quan điểm về hôn nhân, anh đồng ý ly hôn với chị M. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh T và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là kết hôn với nhau hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh T sống chung với nhau có 1 con chung là Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 03/10/2011 khi cả hai chưa đăng ký kết hôn, đến năm 2017, hai bên mới tiến hành việc đăng ký kết hôn. Cháu Nguyễn Trần Duy K được sinh ra trước khi tiến hành việc đăng ký kết hôn nhưng cả hai bên đương sự đều thừa nhận đây là con chung của vợ chồng. Vì vậy xác định anh T và chị M có một con chung là Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 03/10/2011, hiện nay đang ở với chị M. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng xin được nuôi con, cháu Khánh cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, về phía anh T cũng đồng ý giao con cho Minh. Vì vậy, cần giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị M khởi kiện vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Duy K, sinh ngày 03/10/2011 cho chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2021/0006991 ngày 10/8/2022, chấp nhận chị M đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị M, vắng mặt anh T. Chị M được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Anh T được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh